

Số: 690/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 386/2022/HNST ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn”, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Trương Tuấn K, sinh năm 1986.

*Bị đơn:* Bà Tổng Thị H, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: 364/23/6 TNH, phường PT, quận TP, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 57, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Bà Tổng Thị H, sinh năm 1991 và ông Trương Tuấn K sinh năm 1986.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*2.1 Về quan hệ hôn nhân:* Bà Tổng Thị H và ông Trương Tuấn K thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Tổng Thị H và ông Trương Tuấn K (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2020 do Ủy ban nhân dân phường PT, quận TP, Thành phố H cấp ngày 08/8/2020) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*2.2 Về con chung:* Hai ông bà cùng xác nhận không có.

*2.3 Về tài sản chung và nợ chung:* Hai bên xác nhận không có.

*2.4 Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng do ông Trương Tuấn K tự nguyện chịu nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0035366 ngày 13/4/2022 của Chi

cục Thi hành án dân sự quận TP. Hoàn trả lại cho ông K số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu trên.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TP;
- THADS Q.TP;
- UBND phường PT, quận TP, Thành phố H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Hòa**